

Báo cáo những nội dung thay đổi, bổ sung chính trong Điều lệ mới so với Điều lệ cũ
(Kèm theo Tờ trình số /2021/VIX/TT-HDQT)

STT	Điều, khoản, điểm	Các nội dung thay đổi, bổ sung chính		Cơ sở pháp lý
		Điều lệ mới	Điều lệ cũ	
1	Điều 1 khoản 1 điểm c	<i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.	Sửa theo số của Luật Doanh nghiệp mới
2	Điều 1 khoản 1 điểm d	<i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019	“Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số <u>70/2006/QH11</u> được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010	Sửa theo số của Luật Chứng khoán mới
3	Điều 4 khoản 1 điểm b	Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty chỉ được cung cấp dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật <u>sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản. Các dịch vụ tài chính đó phải có liên quan và hỗ trợ cho các nghiệp vụ đã được cấp phép của Công ty và phải đảm bảo không được ảnh hưởng đến lợi ích của khách hàng, của chính Công ty và của thị trường.</u> Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền tạm ngừng, đình chỉ việc cung cấp dịch vụ tài chính khác của Công ty nếu việc cung cấp dịch vụ đó trái với quy định của pháp luật hoặc gây rủi ro hệ thống thị trường chứng khoán	Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư, kinh doanh chứng khoán phái sinh và các dịch vụ tài chính khác <u>theo quy định của Bộ Tài chính</u>	Điều 25 Thông tư 121

4	Điều 12 khoản 2	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có các quyền sau	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng trở lên</u>	Điều 115 Khoản 2; Điều 142 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
5	Điều 12 khoản 3	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết liên tục ít nhất 6 tháng</u> có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Điều 115 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp mới
6	Điều 13 khoản 6	Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) <u>Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> d) <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u>	Không quy định	Điều 144 Khoản 3 Luật Doanh nghiệp mới
7	Điều 15 khoản 1 điểm 1	<u>Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</u>	Không có	Điều 138 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
8	Điều 16 khoản 2	Văn bản ủy quyền được lập thành văn bản <u>theo quy định của pháp luật về dân sự</u>	Việc ủy quyền cho được lập thành văn bản <u>theo mẫu của Công ty</u>	Điều 144 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
9	Điều 18 khoản 2	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá <u>10 ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <u>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</u>	Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn <u>05 (năm) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 141 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp mới Điều 273 Khoản 1 Nghị định 155

10	Điều 18 khoản 3	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>21 ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ)	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <u>15 (mười lăm) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, <u>được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>)	Điều 143 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp mới
11	Điều 18 khoản 5	b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <u>từ 5% cổ phần phổ thông trở lên</u> theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	- Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <u>10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng</u> .	Điều 142 Luật Doanh nghiệp mới
12	Điều 19 khoản 1	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết</u>	Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u>	Điều 145 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp mới
13	Điều 20 khoản 2 Điểm a	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập	Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập	Điều 146 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
14	Điều 20 khoản 2 Điểm c	Chủ tọa cử <u>một hoặc một số người</u> làm thư ký cuộc họp	Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử <u>một</u> thư ký để lập biên bản Đại hội	Điều 146 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
15	Điều 21 khoản 1	Không quy định sửa đổi, bổ sung Điều lệ nằm trong nhóm quyết định phải được 65% thông qua	Đối với các quyết định về <u>sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty</u> ; thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự cuộc họp chấp thuận</u>	Điều 148 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp mới
16	Điều 21 khoản 2	Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</u> , trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này	Điều 148 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới

17	Điều 22 Khoản 1	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc giải thể Công ty phải được lấy ý kiến thông qua hình thức họp trực tiếp.	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; trừ các trường hợp sau đây: a. Giải thể Công ty. b. <u>Các trường hợp phải tổ chức Đại hội cổ đông bất thường theo quy định Khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.</u>	Điều 149 Luật Doanh nghiệp mới
18	Điều 22 Khoản 2	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất <u>10 ngày</u> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <u>mười lăm (15) ngày</u> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	Điều 149 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
19	Điều 22 Khoản 3	Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều 149 Khoản 3 Luật Doanh nghiệp mới
20	Điều 22 Khoản 8	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Trường hợp thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>từ 51% trở lên</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận	Điều 148 Khoản 4 Luật Doanh nghiệp mới
21	Điều 23 Khoản 1 Điểm i	<u>Trường hợp chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u>	Không quy định	Điều 150 Khoản 1 Điểm i Luật Doanh nghiệp mới
22	Điều 25 Khoản 2	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. <u>Cổ đông</u>	<u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại</u>	Điều 115 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp mới

		<u>hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 20% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; trên 40% đến 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; trên 50% được đề cử tối đa đủ số ứng viên.</u>	<u>với nhau đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được đề cử tối đa đủ số ứng viên.</u>	
23	Điều 25 Khoản 4	Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng	<u>Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng</u>	Điều 155 Khoản 1 điểm b Luật Doanh nghiệp mới
24	Điều 25 Khoản 6	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, <u>trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</u>	Không quy định	Điều 115 Khoản 2 Điểm đ Luật Doanh nghiệp mới
25	Điều 26 Khoản 1	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>05 (năm)</u> người.	<u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người</u>	Điều 154 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp mới
26	Điều 26 Khoản 2	Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục	Không quy định	Điều 154 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới

27	Điều 26 Khoản 3 Điểm a	Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành	Không quy định	Điều 276 Khoản 2 Nghị định 155
28	Điều 26 Khoản 3 Điểm b	Có tối thiểu <u>01</u> thành viên độc lập Hội đồng quản trị	Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất là <u>một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị</u>	Điều 276 Khoản 4 Nghị định 155
29	Điều 27	Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ <u>35%</u> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp</u>	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại <u>Điểm o Khoản 1 Điều 23 và Khoản 3 Điều 48 Điều lệ này</u>	Điều 153 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
30	Điều 35 Khoản 3	Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau: b) Có tối thiểu <u>02 năm</u> kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm <u>hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác</u> d) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn <u>06 tháng</u> gần nhất. h) <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty, Kiểm soát viên của công ty</u>	f) Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán ít nhất <u>03 (ba) năm</u> và <u>có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 03 (ba) năm</u> c) Chưa từng bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng <u>hai (02) năm</u> gần nhất e) <u>Trường hợp Công ty là Công ty con của Công ty có phần vốn góp, cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ: Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi hoặc anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty me và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty</u>	Điều 74 Khoản 5 Luật Chứng khoán mới Điều 162 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp mới

31	Điều 36 Khoản 2	<u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; trên 10% đến 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử tối đa đủ số ứng viên</u>	<u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên vào BKS</u>	Điều 115 Khoản 5 Luật Doanh nghiệp mới
32	Điều 37 Khoản 1	Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là <u>03 người</u>	Số lượng Kiểm soát viên <u>có từ ba (03) đến năm (05) thành viên</u>	Điều 168 Khoản 1 Luật Doanh nghiệp mới Điều 37 Khoản 1 Điều lệ mẫu Thông tư 116
33	Điều 37 Khoản 2	<u>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp (Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp)</u>	<u>Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên</u>	Điều 169 Luật Doanh nghiệp mới
34	Điều 38 Khoản 1	<u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty</u>	<u>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty</u>	Điều 168 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới
35	Điều 51 Khoản 6	Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận (trong đó có việc trích lập các quỹ) được thực hiện theo quy định của pháp luật	<u>Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:</u> a. <u>Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% mức vốn Điều lệ;</u> b. <u>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;</u> c. <u>Quỹ khen thưởng, phúc lợi;</u> d. <u>Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.</u>	Điều 51 Điều lệ mẫu Thông tư 116

36	Điều 57	<p>Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập <u>hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này</u> tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị</p>	<p>Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 138 Khoản 2 Luật Doanh nghiệp mới Điều 57 Khoản 1 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
----	---------	--	--	--